TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 9 - 2018
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2018/TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ng N,** sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T L, xã T Đ, huyện B Đ , tỉnh B T

2. Bị đơn: **Trần Trung H**, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã B T , huyện B Đ, tỉnh B T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2018 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng N trình bày:*

Chị và anh H cưới nhau vào năm 2016 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 11 tháng 3 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T Đ, huyện B Đ, tỉnh B T. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 4/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc trong gia đình và anh H có người đàn bà khác bên

ngoài. Chị và anh H đã ly thân từ ngày 7/4/2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Thiên Khánh, sinh ngày 09/11/2016. Chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

***** *Tại biên bản hoà giải ngày 20/7/2018 và những lời trình bày tiếp theo, bị đơn anh Trần Trung H trình bày:*

Anh và chị N cưới nhau vào năm 2016 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 11 tháng 3 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T Đ, huyện B Đ, tỉnh B T. Quá trình chung sống từ lúc cưới nhau cho đến nay vẫn bình thường cho đến ngày 7/4/2018 thì chị N ghen tuông nói anh có người đàn bà khác bên ngoài dẫn đến việc hai bên cãi vả và chị N về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, còn về mâu thuẫn kinh tế chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Anh và chị N đã ly thân từ ngày 7/4/2018 cho đến nay. Nay qua yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ con, những mâu thuẫn không trầm trọng để dẫn đến ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Thiên Khánh, sinh ngày 09/11/2016. Nếu vợ chồng ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ng N đối với anh Trần Trung H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ng N được nuôi con chung tên Trần Ngọc Thiên Khánh, sinh ngày 09/11/2016. Ghi nhận sự tự nguyện chị N nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: chị N, anh H khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng N và anh Trần Trung H chung sống với nhau vào năm 2016, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức vào năm 2016 theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H được công nhận hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng từ ngày 7/4/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị N cho rằng: chị sống chung với cha chồng rất bất tiện trong sinh hoạt gia đình; về kinh tế anh H không chăm lo cho chị chu đáo; vợ chồng không có sự bàn bạc, tôn trọng lẫn nhau, anh H không có sự kính trọng gia đình bên vợ và chị nghi ngờ anh H có người phụ nữ khác bên ngoài, và anh chị đã ly thân từ ngày 07/4/2018 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, giữa chị N và anh H không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh H. Tại phiên Tòa hôm nay anh H không đồng ý ly hôn với chị N với lý do anh còn thương vợ con, lý do chị N đưa ra để ly hôn với anh không thuyết phục, giữa anh và chị N mâu thuẫn không lớn, không đến mức trầm trọng để ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H Hội đồng xét xử xét thấy: hôn nhân tồn tại phải dựa vào tình cảm từ hai phía, anh H cho rằng anh còn thương chị N, nhưng hiện tại tình cảm chị N dành cho anh đã không còn, anh và chị N đã ly thân nhau từ tháng 4/2018 đến nay.

Mặc dù anh H không thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn, mâu thuẫn xảy ra là do chị N hiểu lầm anh, anh không có người phụ nữ khác bên ngoài, về kinh tế do lương của anh không cao nên không đưa nhiều tiền cho chị N được nhưng anh vẫn lo chu toàn cuộc sống cho vợ con anh; nhưng trên thực tế anh và chị N đã ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Từ thời điểm ly thân đến nay anh chị mạnh ai nấy sống, không chăm lo cuộc sống của nhau; anh H cũng không tìm cách để giải thích, tháo gỡ hiểu lầm của chị N đối với anh, anh cũng không đưa ra được lý do để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Từ những nhận định trên cho thấy hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên đối

với yêu cầu của chị N xin được ly hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh H có 01 con chung tên Trần Ngọc Thiên Khánh, sinh ngày 09/11/2016. Con chung hiện nay đang sống chung với chị N, cả chị N và anh H đều có nguyện vọng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù chị N và anh H đều có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, từ trước đến nay cháu Khánh đều sống chung với chị N và chị N nuôi con chung vẫn phát triển bình thường. Hơn nữa, cháu Khánh hiện nay dưới 36 tháng tuổi, là bé gái và nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị. Do đó, để chị N nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét sử ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí :* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ng N đối với anh Trần Trung H. Chị Nguyễn Thị Ng N được ly hôn với anh Trần Trung H.

[2]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Ng N được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Ngọc Thiên Khánh, sinh ngày 09/11/2016. Ghi nhận sự tự nguyện chị N nuôi con chung, không yêu cầu anh Trần Trung H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

[4] Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017935 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy chị Nguyễn Thị Ng N đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Ng N, anh Trần Trung H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã T Đ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu